



TP. Tây Ninh, ngày 23 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VÀT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: TP. Tây Ninh
3. Kỳ khảo sát: Tháng 11 / 2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công ty CPXD và VNXP Tây Ninh
- Địa chỉ: 984 CMT8, P. Hiệp Ninh, TP. Tây Ninh
- Số điện thoại: 0888.798.839 - Anh Đô
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:



Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Grạch 45° / 25°		Viên		(P Bao (Hàng		900 đ
	" Mi		"		gồm	Gia)	450 đ
	Cát xây		m ³		CPVC)	(Phê hoã	400.000 đ
	Cát long		"		"	hỏi)	255.000 đ
	Đá 1x2		"		"	"	370.000 đ
	" 4x6		"		"	"	335.000 đ
	" 0x4		"		"	"	295.000 đ
	Loại ga 20		Cuộn		"		125.000 đ
	Xi măng Fico	PCB 40	Bao		"		90.000 đ
	Thép D6	Việt Nhật	Kg		"		17.000 đ
	" D8	"	"		"		17.000 đ
	Dây điện 1,5		Cuộn		"		480.000 đ



TP. Tây Ninh ngày 23 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: TP. Tây Ninh
3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Tiệm điện Sắt Huỳnh Hằng
Địa chỉ: 684 Đường 30/4, P. Ninh Sơn, TP. Tây Ninh
Số điện thoại: 0984 686 652
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Ống PVC Ø21	(Bình Minh Cây	Cây		(Giá bán		33000 đ
	Ø27	Thái)	✓		tại CH)		48 000 đ
	Ø34	✓			✓		62 000 đ
	Ø 42	✓	✓				84 000 đ
	Ø 49	✓	✓		✓		103 000 đ
	Ø 60	✓	✓		✓		115 000 đ
	Ø 90	✓					240 000 đ
	Ø 114						360. 000 đ
	Que hàn		Hộp				73. 000 đ
	keo dán ống						73 000 đ
	keo AB						32. 000 đ
	Que hàn 3,2 ly						145. 000 đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Ốc vít		Kg		4		52.000đ
	Cầu 21		Cầu		4		3.500đ
	27		4		4		5.000đ
	34		4		4		7.000đ
	42		4		4		11.000đ
	49		4		4		16.000đ
	60		4		4		22.000đ
	90		4		4		28.000đ
	114		4		4		54.000đ
	bi 21		4		4		3.500đ
	27		4		4		5.000đ
	34		4		4		7.000đ
	42		4		4		9.000đ
	49		4		4		14.000đ
	60		4		4		14.000đ
	90		4		4		24.000đ
	114		4		4		48.000đ

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

TIỆM ĐIỆN SẮT HUỖNH HẰNG
684 Đường 30/4, P.Ninh Sơn, TP.Tây Ninh
ĐT: 0981.686.652 - 0917.603.551
MST: 3900407442

Trần Nguyễn Anh Tuấn



TP. Tây Ninh, ngày 23 tháng 11 năm 2024

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: TP. Đà Nẵng
2. Khu vực khảo sát: Tháng 11/2024
3. Kỳ khảo sát:
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công ty TNHH Đông Thuận
- Địa chỉ: 124 Nguyễn Thái Học, KP4, Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0965 244 773 - Anh Phái
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

[illegible]

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lai Tân Phú

Số điện thoại:.....0965 244.773





TP. Tây Ninh ngày 23 tháng 11 năm 2024.

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh

2. Khu vực khảo sát: TP. Tây Ninh

3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp / cửa hàng: DNTN Lầu Chi Hoàng

Địa chỉ: 653 CMT8, KP2, P3, TP. Tây Ninh

Số điện thoại: 0986 099 997

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Thép ø6 - ø8	Việt Nhật	Kg	/	Giữm		16.000 đ
	ø 12	"	Cây		CPVC		112.000 đ
	ø 14	"	"		trong TP)		214.000 đ
	ø 16	"	"		"		290.000 đ
	ø 18	"	"		"		357.000 đ
	Xi măng Fico		Bao		"		89.000 đ
	Xi măng Hà Tiên		"		"		95.000 đ
	Cát Xây TB		m3		"		390.000 đ
	Đá 1x2		"		"		400.000 đ
	" 4x6		"		"		360.000 đ
	" 0x4		"		"		340.000 đ
	Gạch 4 lỗ		Viên		"		950 đ

CÔNG TY
TNHH QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ
MIỀN NAM

Tx. Hòa Thành, ngày 23 tháng 11 năm 2024

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

- Tên doanh nghiệp / cửa hàng:
Địa chỉ:
Số điện thoại:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	gạch lát nền đá	60x60	m ²		(V/chuyên		180.000 ⁺
	gạch lát nền đá	80x80	γ		đến chân		230.000 ⁺
	gạch ốp men bóng	40x80	γ		đ/bình		195.000 ⁺
	gạch ốp đá bóng	40x80	γ		trên đá		235.000 ⁺
	gạch ốp men bóng	30x60	γ		bên tủ)		140.000 ⁺
	gạch ốp men mờ	30x60	γ		γ		165.000 ⁺
	gạch ốp đá bóng - mờ	30x60	γ		γ		215.000 ⁺



TX Hòa Thành, ngày 23 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: TX Hòa Thành
3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công Ty TNHH Tôn Thép Phú Ích
Địa chỉ: Số 36 Tổ 4 Ấp 1 Tân Bình Huyện Tân Uyên, Bình Dương
Số điện thoại: 0909 150 099
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tôn màu 1.07m x 0.4mm	Hòa Phát	m		(Mua từ		90.909đ
	Tôn màu 1.07m x 0.45mm	?	?		50 triệu		101.818đ
	Tôn màu 1.07m x 0.45	Phước Nam	?		miễn phí		102.727đ
	Tôn lạnh 0.85m x 0.18 mm	Hải Thiên Sơn	?		giao hàng		46.364đ
	Tôn lạnh 1.1m x 0.20 mm	?	?		hàng phan		56.364đ
	Tôn lạnh 1.1m x 0.22 mm	Hòa Sơn	?		vi 10Km)		60.080đ
	Tôn lạnh 1.1m x 0.22 mm	?	?		?		67.273đ
	Tôn mạ kẽm xanh dương	K598	?		?		72.727đ



Tx. Hòa Thành, ngày 23 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: Tx. Hòa Thành
3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Trung tâm pha màu Thái Minh
Địa chỉ: 148 Phạm Hùng, KP Long Chi, P. Long Thành Tr., TX. Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh
Số điện thoại: 0979.630.489
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

TRUNG TÂM PHA MÀU THÁI MINH
148 Phạm Hùng, KP. Long Chi, P. Long Thành Tr.,
TX. Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh
ĐT: 0979630489-0966347147

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Nhôm, kính:						
	Cửa đi nhôm Kamo	Malaysia			(đã bao		2.850.000đ
	4 Xingfa	Quảng Đông			gồm chi		2.200.000đ
	Cửa nhôm Maxpro hệ 55	Nhật Bản			phí lắp		2.000.000đ
	Cửa đi vát cạnh hệ 55	Việt Nam			đặt)		1.700.000đ
	Cửa nhôm hệ PMIH 55	Malaysia			9		2.700.000đ
	Sơn:						
	Sơn đá hạt	25kg	Thùng		(đã bao		2.850.909đ
	Sơn giả đá	20kg	9		gồm 1/2)		4.263.636đ
	Bột bột skyblue 494	40kg	bao		9		278.182đ
	Sơn giả đá	5kg	Lm		9		1.336.364đ
	Vật tư ngành nước:						

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Bồn cầu 1 khúc	LL101	Cái		(Giá bán		4.320.000đ
	Lavabo đi bồn bồn	LL401-46T	9		đi cầu		1.760.000đ
	Bồn tắm nam	LL1045	9		hàng)		3.780.000đ
	Bồn nước đứng 1.0m ³		9		4		4.500.000đ
	Bồn nước ngang 1.0m ³		9		1		4.900.000đ

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRUNG TÂM PHA MÀU THẢO MINH
140 Phạm Hùng, KP.Long Chí, P.Long Thành Trung,
TX.Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh
ĐT: 0979630489-0966347147

nah

Số điện thoại:.....



TX Hòa Thành, ngày 23 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

- Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
- Khu vực khảo sát: TX Hòa Thành
- Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024
- Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
 Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Cửa Hàng Hoàng Dung
 Địa chỉ: 18 Đường số 12, Hiệp Hòa, Hiệp Tân, Tây Ninh
 Số điện thoại: 0974 464 864 - Anh Dung
- Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Bột bét Kova	Ngôi bét	Bao		(V/chung)		527.273đ
	4	Trung nh	4		trên bình)		401.818đ
	Sơn trong nhà độ phủ cao	Kova Vista	16 lít		4		1622.727đ
	4	4	3.5 lít		4		523.636đ
	Sơn trong nhà bóng độ phủ cao, màu sơn mịn dễ chịu	Kova K-5500	16 lít		1		4.387.273đ
	4	4	3.5 lít		4		980.000đ
	Sơn lót Kova chống kiềm kiềm	trung nh	16 lít		4		2.236.364đ
	4	4	3.5 lít		4		532.727đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)



Số điện thoại 0974.464.864

Ngô Hoàng Trung

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)



H. Châu Thành, ngày 24 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố..... Tây Ninh.....
2. Khu vực khảo sát: H. Châu Thành.....
3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024.....
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công ty TNHH Hoàng Tâm.....
Địa chỉ: A1/22 Bình Phong, Thái Bình, Châu Thành, TN.....
Số điện thoại: 0902 827 175.....

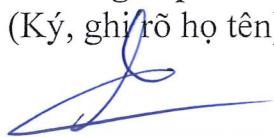


5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Gạch xây 4 lỗ		Viên		(V/chuyển)		940 đ
	4 2 lỗ		4		trung bình		900 đ
	4 mi		4		nhỏ hơn		450 đ
	Cát xây 8		m ³		(Cát) (Đàn chèn)		360.000 đ
	Cát long rên		4		4		250.000 đ
	Đá 1x2		4		4		400.000 đ
	4 4x6		4		4		360.000 đ
	4 0x4		4		4		350.000 đ
	Xi măng fico		Bao		4		90.000 đ
	4 Hà Tiên		4		1		92.000 đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)



Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)



Số điện thoại:.....

CTY TNHH HOÀNG TÂM
A1/22 Bình Phong, Thái Bình, Châu Thành, TN
ĐT: 827813-MST: 3900377075

XÂY DỰNG VÀ Đ

CÔNG TY
TNHH QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ
MIỀN NAM

M.S.D.N: 0312000000 CT.T.N.H.H

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIÁ V

H. Châu Thành, ngày 24 tháng 11 năm 2024

GIA VẬT LIÊU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: H. Châu Thành
3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024.
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp /cửa hàng: Công ty TNHH KS Ngọc Phát Tây
- Địa chỉ: Ấp Phú Lễ, xã Phú Vĩnh, H. Châu Thành, Tây Ninh
- Số điện thoại: 0912. 823. 039 - 0914. 527. 884
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:
- 

[illegible]

[illegible]

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại: 0914327144



H.Chân Thành, ngày 14 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố..... Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: H. Chân Thành
3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công ty TNHH TPK
- Địa chỉ: Số 304, Ấp Tân Sơn, Xã Ninh Đức, H. Chân Thành, Tây Ninh
- Số điện thoại: 0913 861 999
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Trì công Ø300		m		(Giá tại khu chợ)		105.000đ
	" Ø400		"				135.000đ
	" Ø600		"		"		180.000đ
	" Ø800		"		"		250.000đ
	Công ly tấm miệng hố Ø300						
	Vỏ hố		"		"		275.000đ
	H10 - X60		"		"		290.000đ
	H30 - X850		"		"		310.000đ
	Công ly tấm miệng hố						
	Vỏ hố		"		"		340.000đ
	H10 - X60		"		"		365.000đ
	H30 - X850		"		"		380.000đ



H. Bến Cãi, ngày 14 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: H. Bến Cãi
3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp /cửa hàng: Đại lý sơn Thiên Long
- Địa chỉ: KV3, TT Bến Cãi, H. Bến Cãi, T. Tây Ninh
- Số điện thoại: 0949.969.691 - Anh Đức
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Bột bết Nippon Exterior Putty		40kg		(Giá gồm		419.031đ
	Bột bết Nippon Interior Putty		40kg		V/chung?		335.455đ
	Sơn lót nền thất Matex Sealer		18 lít		trần hần)		1.652.727đ
	Sơn lót nền thất Odour - less Sealer		18 lít		9		3.045.455đ
	Sơn lót nền thất Weather Grand Sealer		18 lít		7		4.230.909đ
	Sơn lót nền thất Super matex Sealer		18 lít		9		2.607.273đ
	Sơn nền Nippon Weather Grand Plus		5 lít		9		2.388.182đ



TT. Tân Biên, ngày 26 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh

2. Khu vực khảo sát: TT. Tân Biên

3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công Ty TNHH MTV TM XD Tổng Thành Đạt

Địa chỉ: Số 168 Phạm Hồng, Tổ 1, KP.1, TT. Tân Biên, Tây Ninh

Số điện thoại: 0918.252.252

CÔNG TY TNHH MTV TM XD
TỔNG THÀNH ĐẠT
Số 168 Phạm Hồng, Tổ 1, KP.1, TT. Tân Biên, Tây Ninh
ĐT: 02763.888.888 - MST: 3901161632

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Đá 1x2		m ³		(Gồm (Nó Bình		450.000đ
	" 4x6		"		Vc trong (Phước)		400.000đ
	" 0x4		"		TT. Tân Biên)	"	380.000đ
	Đá 1x2		"		" (Tai bãi		390.000đ
	" 4x6		"		" (Tai bãi		370.000đ
	" 0x4		"		" (Tai bãi		300.000đ
	Grach 80 (Nước)		m ²		"		100.000đ - 150.000đ
	Cát xây		m ³		" (Vật li)		340.000đ
	Cát long		"		"		270.000đ
	Xi măng Fico		Bao		"		85.000đ
	" InSee		"		"		85.000đ
	" Power		"		"		83.000đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Pháo Ø6-Ø8	Viet-Nhat	Kg		✓		17.000đ
	" Ø10	"	Cây		✓		117.345đ
	" Ø12	"	"		✓		168.670đ
	" Ø14	"	"		✓		228.905đ
	" Ø16	"	"		✓		298.710đ
	" Ø18	"	"		"		378.425đ
	Gạch 415 ^u		Viên		✓		900đ
	" 215 ^u		"		✓		900đ
	" N1		"		"		450đ
	Gạch lát nền men	50x50	m ²		✓		80.000đ - 120.000đ
	"	60x60	"		✓		110.000đ - 260.000đ
	Gạch ốp men	30x60	"		✓		120.000đ - 180.000đ
	"	40x40	"		✓		70.000đ - 120.000đ
	Bồn cầu rời		Bộ		✓		650.000đ - 1.200.000đ
	Bồn Cầu rời 1m ³		"		✓		1500.000đ - 3.000.000đ
	lavabo		"		✓		600.000đ

CÔNG TY TNHH NGUYỄN TÙNG THÀNH ĐẠI
 Số 168 Phạm Hùng, Tổ 1, KP.1, TT. Tân Biên, Tây Ninh
 ĐT: 02763.888.888 - MST: 3901161632

Người cung cấp thông tin
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 Trần Văn Phái.
 Số điện thoại: 0918.07.1800.

Người thực hiện khảo sát
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Nguyễn Thanh Hải



CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Tân Biên, ngày 26 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

- Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
- Khu vực khảo sát: TP Tân Biên
- Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024
- Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Cửa hàng VXD An Nguyễn
Địa chỉ: Đường tỉnh 795, Thanh Bình, Tân Biên, Tây Ninh
Số điện thoại: 0913.892.328 - Kim Tiên
- Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

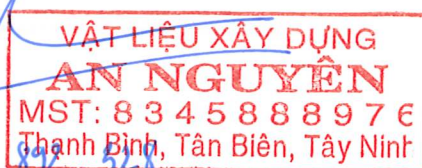
Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Gạch + bô		Viên		(không		1.050đ
	" 2bô		"		gồm phí		1050đ
	" Mi		"		VC)		600đ
	Cát xây		m ³		"	(Vật-lẻ)	380.000đ
	Cát long		"		"	"	270.000đ
	Đá 1x2		"		"	(Mỏ Bình Phước)	420.000đ
	" 4x6		"		"	"	370.000đ
	" 0x4		"		"	"	350.000đ
	" Mi		"		"	"	420.000đ
	Bồn Cầu lansing		Bô		"		900.000đ
	Xi măng Insa		Bao		"		90.000đ
	" Fico		"		"		90.000đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Ống PVC Ø21		Cây		11		35000đ
	Ø27		11		11		44000đ
	Ø34		11		11		64000đ
	Ø42		11		11		78000đ
	Ø49		11		11		106000đ
	Ø60		11		11		119000đ
	Ø90		11		11		245000đ
	Ø114		11		11		370000đ
	Ø140		11		11		618000đ
	Lavabo không vòi		Bô		11		220.000đ
	Que hàn 2.5		hộp		4		15000đ
	" 3.2		11		4		135000đ

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại: 0913 892 519



**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ MIỀN NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

H. Tân Bình, ngày 26 tháng 11 năm 2024.

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: H Tân Biên
3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp /cửa hàng: Công ty TNHH XNK Tân Hưng Cường
- Địa chỉ: Ấp Tân Biên, xã Tân Lập, H Tân Biên, Tây Ninh
- Số điện thoại: 0976.666.669 - Anh Lương
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

[illegible]



H. Tân Bình, ngày 16 tháng 11 năm 2019

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: H. Tân Biên
3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp /cửa hàng: Công ty TNHH MTV KXS Nhà Thầu
- Địa chỉ: Ấp Hòa Lộ, X. Hòa Hiệp, H. Tân Biên, Tây Ninh
- Số điện thoại: 076.505.54.53 - Chi Hạng
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

[illegible]



TP. Tân Châu, ngày 26 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: TP. Tân Châu
3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Cửa hàng VLXD MINH VŨ
- Địa chỉ: 192A, Đ. Lê Duẩn, KP3, Thị trấn Tân Châu, Tây Ninh
- Số điện thoại: 0908.385.692 - Dì Tâm
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Đá 1x2	m ³			(kể gồm phí vận)		420.000đ
	" 4x6	"					370.000đ
	" 0x4	"			"		370.000đ
	Thép Ø6 Ø8	Nhật	Kg		"		17.000đ
	" Ø10	"	Kg		"		118.800đ
	" Ø12	"	"		"		169.500đ
	" Ø14	"	"		"		231.100đ
	" Ø16	"	"		"		301.900đ
	" Ø18	"	"		"		381.800đ
	" Ø20	"	"		"		471.400đ
	Xi măng Fico		Bao		"		89.000đ
	Cát Xây		m ³		"		330.000đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Uớc treo 6món		33		✓	842.000đ + 1.000.000đ	
	kệ bình		✓		✓	123.000đ + 200.000đ	
	kệ gối		✓		✓	400.000đ + 980.000đ	
	Giường sofa		✓		✓	222.000đ + 455.000đ	
	Grach 4 lỗ		Viên		✓		980đ
	" 2 lỗ		✓		✓		980đ
	" mi		✓		✓		475đ
	bua bo		bô		✓		1.300.000đ
	Bồn cầu 1m ³		✓		✓		3.000.000đ
	Bồn cầu 1m ³ rời		✓		✓		1.500.000đ
	Vòi sen nóng lạnh		✓		✓		2.842.000đ
	Vòi rửa bát nóng lạnh		✓		✓		1.650.000đ
	Sen - thuyền		✓		✓		362.700đ
	Củ sen nóng lạnh		✓		✓		22.500.000đ
	Grach 4 lỗ		Viên		✓		980đ
	" 2 lỗ		✓		✓		980đ
	" mi		✓		✓		475đ

VLXD MINH VŨ
MST: 8360115968
 ĐC: 192A, D.Lê Duẩn, Kp3, Thị trấn Tân Châu, TX
 Người cung cấp thông tin
 (Ký, ghi rõ họ tên)
Nguyễn Thị Toan

Người thực hiện khảo sát
 (Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Nguyễn Anh Tuấn

Số điện thoại:



H. DMC, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

- Tỉnh/thành phố: Dây Ninh
- Khu vực khảo sát: H. DMC
- Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024
- Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp/cửa hàng: Cửa hàng VLXD Minh Hoi

Địa chỉ: TT MINH HOAI Châm, H. DMC, Dây Ninh

Số điện thoại: ĐT: 0822477632 0822 477 632
- Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Gạch Aô 1/2 lỗ		Viên		(Giá tại cửa hàng)		1.105 ⁺
	Gạch ngói lớp Ruby	Nhật	m ²		cửa hàng		16.000 ⁺
	Xi măng Aco	KB40	bao		không gồm phí 1/2)		90.000 ⁺
	Đá 1x2		m ³				450.000 ⁺
	4 2x4		4		4		420.000 ⁺
	4 0x4		4		4		380.000 ⁺
	Thiết bị vệ sinh	Inox	Bô		4		6.000.000 ⁺
	Lavabo thường		4		4		1.200.000 ⁺
	Lavabo Pulver		4		4		4.000.000 ⁺
	Vòi rửa		4		4		500.000 ⁺
	Bồn cầu Thies Thanh		4		4		2.400.000 ⁺
	Bồn rửa Inox tại Thanh	1m ³	Cái		4		3.800.000 ⁺

[illegible]

VẬT LIỆU XÂY DỰNG
MINH HOÀI
ĐT: 0822477632

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngô Hoàng Nông Nghi.
Số điện thoại:.....

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Nguyễn Anh Tuấn.



TT. Gò Dầu, ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh

2. Khu vực khảo sát: TT. Gò Dầu

3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp/cửa hàng: Công ty TNHH Quản Lý Xây Dựng và Đô Thị Miền Nam và TTNT Hoàng Thiên

Địa chỉ: 8/11, Km 3, Quốc Lộ 19, TT. Gò Dầu, Tây Ninh

Số điện thoại: DT: 0276.3853769 - 0907.053.348

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Gạch xây 4 lỗ		Viên		(Vc		1020 đ
	4 2 lỗ		4		trong		1020 đ
	u Mi		4		Ru		500 đ
	lưới B40 tổ hộp		kg		thực tế)		25.000 đ
	Đá 1x2		m ³		4		370.000 đ
	4 4x6		4		4		330.000 đ
	u 0x4		u		4		300.000 đ
	Cát xây		u		4		400.000 đ
	Xi măng Fico	PCB40	Bao		4		80.000 đ
	Xi măng Hà Tiên		4		4		95.000 đ
	Tô bê tông 3.5 dcm	thông A	m		4		85.000 đ
	Bồn Rửa Nỷ	1m ³	Cái		4		4.000.000 đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Grạch lát nền	30 x 30	m ²		✓		130.000đ
	"	30 x 60	"		✓		135.000đ
	"	60 x 60	"		✓		165.000đ
	"	40 x 40	"		✓		140.000đ
	Dây thép		Kg		✓		25.000đ
	Đinh		"		✓		20.000đ - 23.000đ
	Thép Việt - Nhật						
	Ø6 - Ø8		Kg		✓		11.500đ
	Ø10		Cây		✓		122.500đ
	Ø12		✓		✓		173.000đ
	Ø14		✓		✓		234.000đ
	Đống PVC Ø21	Bình Minh	Cây		✓		36000đ
	" Ø27	"	✓		✓		49.500đ
	" Ø34	"	✓		✓		68.000đ
	" Ø42	"	✓		✓		86.000đ
	" Ø49	"	✓		✓		106.000đ
	" Ø60	"	✓		✓		118.000đ

VAT 8%

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)
GIANG HIỀN
ĐC: Ô1/195, KP. Rạch Sơn, TT. Gò Dầu, Tây Ninh.
ĐT: 0276.3853769 - 0907.052.248
MST: 3 9 0 0 4 0 5 3 7 1

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

Nguyễn Thị Hiền.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ MIỀN NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TX Trảng Bàng ngày 25 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh

2. Khu vực khảo sát: TX Trảng Bàng

3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công Ty TNHH Thiên Hà

Địa chỉ: T. H, Xã Tân Lợi, P. Tân Lợi, K. Trảng Bàng, Tây Ninh

Số điện thoại: 0977 195 838 - Chi. Hạnh

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Bồn nước tại Thành	1000 LN	Cái		(Củ ly		3.920.000 đ
	Grach men	20x60	m ²		ve		130.000 đ
	4	40x40	m ²		≤ 5km)		90.000 đ
	4	50x50	1		4		120.000 đ
	4	60x60	1		4		155.000 đ
	Grach 4 lỗ / 2 lỗ		Viên		1		970 đ
	4 Thủ		1		1		970 đ
	4 Mi		1		1		485 đ
	Đá 1x2		m ³		4		410.000 đ
	4 4x6		1		4		390.000 đ
	Xi măng Insee		Bao		1		94.000 đ
	Cát xây		m ³		1		420.000 đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Sắt $\phi 6 - \phi 8$		Kg		✓		18.000đ
	" $\phi 10$		✓		✓		114.000đ
	" $\phi 12$		✓		✓		176.000đ
	" $\phi 14$		✓		✓		240.000đ
	" $\phi 16$		"		"		306.000đ
	Bồn cầu	1m ³	Cái		✓		2780.000đ
	biển		Kg		✓		23.000đ
	đai 15 x 15		✓		✓		19.000đ
	" 15 x 20		✓		✓		19.000đ



Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Bích Hạnh

Số điện thoại: 0917.195.838

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Thảo Nghi

H. Bôn Côm, ngày 24 tháng 11 năm 2024

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

- thông tin:

[illegible]



TP. Bến Cầu, ngày 24 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: TP. Tây Ninh
3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp/cửa hàng: Cửa hàng VL Tấn Phát
- Địa chỉ: KP 1, TT Bến Cầu, Tỉnh Tây Ninh
- Số điện thoại: 0976.581.6717
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Đá 1x2		m ³		(Kể gồm		350.000đ
	" 4x6		"		chi phí		350.000đ
	" 0x4		"		ve)		300.000đ
	Grach 4 lớp		kg		"		1.000đ
	" 2 lớp		"		"		1.000đ
	" xi		"		"		450đ
	Grach lát nền	30x50	m ²		"		100.000đ
	"	60x60	"		"		120.000đ
	Grach ốp	80x80	"		"		100.000đ
	Dây điện 1.5	Cuộn	Cuộn		"		470.000đ
	" 2.5	"	"		"		785.000đ
	" 3.5	"	"		"		1030.000đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Thép $\phi 6 - \phi 8$	Viet-uc	Kg		✓		20.000đ
	✓ $\phi 10$	"	Cây		✓		100.000đ
	✓ $\phi 12$	"	✓		✓		130.000đ
	✓ $\phi 16$	"	✓		✓		150.000đ
	Tấm cách nhiệt	Im 55	m		✓		15.000đ
	Dây điện 4.0	Cable	Cuộn		✓		1.160.000đ
	✓ 6.0	✓	✓		✓		1.705.000đ
	" 8.0	✓	✓		✓		2.290.000đ
	" 10.0	✓	"		✓		2.500.000đ
	Sơn mông nhô thất	18P	thùng		✓		700.000đ
	" ngoài thất	"	"		✓		1.000.000đ
	Bồn cầu 1 nút nhấn	LS 234	BỘ		✓		1.000.000đ
	✓ 2 nút nhấn	Caraby	"		"		1.200.000đ

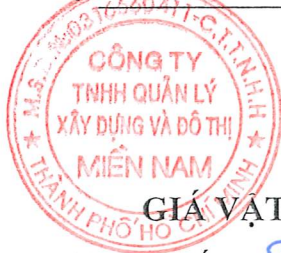
Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỬA HÀNG VLXD TẤN PHÁT
TRIỆU BÍCH TÍM
Khu Phố 1, Thị trấn Bến Cầu, Tây Ninh
MST: 3900102659

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)



Số điện thoại:.....



H. Bến Cầu, ngày 24 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: H. Bến Cầu
3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Cửa Hàng VXD Hải Thông
- Địa chỉ: KP 1, TT Bến Cầu, H. Bến Cầu, Tây Ninh
- Số điện thoại: 0918.258.009 - Chi Đài
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Ống PVC Ø21	Bình Minh Cầu			(Vc)		35.000đ
	" Ø27	"	"		trong		47.000đ
	" Ø34	"	"		Phu kiện)		67.000đ
	Braeh 4 lỗ		lưu		"		1.050đ
	" 2 lỗ		"		"		1.050đ
	Đá 1x2		m ³		"	(Bãi 6 tầng	360.000đ
	" 4x6		"		"	Bãi Hải	360.000đ
	Cát xây		"		"	đống thối)	480.000đ
	Bồn cầu loại thường		Đô		"		550.000đ
	lavabo thường (m)		"		"		200.000đ
	Ximăng Pico		bao		"		90.000đ
	— vicom-Hà Long		"		"		90.000đ

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	ống PVC Ø 42	Bình Minh Tây			4		85.000đ
	Ø 49	4	4		4		115.000đ
	Ø 60	4	4		4		125.000đ
	Ø 114	4	4		4		380.000đ
	Ø 140	4	4		4		650.000đ
	Ø 200	4	4		4		1290.000đ
	Ván Coppah gỗ ép	0,15 x 3m	Ván		4		55.000đ
	4	0,15 x 4m	4		4		63.000đ
	4	0,12 x 3m	4		4		72.000đ
	4	0,12 x 4m	4		4		82.000đ
	bê tông 2 bình chữa cháy		Cai		4		90.000đ
	Bình chữa cháy	8kg	Bình		4		380.000đ

Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đen
H' An Đen

Người thực hiện khảo sát
(Ký, ghi rõ họ tên)

nah

Số điện thoại: 091 123 5555



H. Châu Thành ngày 14 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố..... Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: H. Châu Thành
3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp / cửa hàng..... DNTN T. Doanh nghiệp tl nhân Tài Nhân
- Địa chỉ: Đ. 1, KP3, H. Châu Thành, Tây Ninh
- Số điện thoại: 0919. 488. 835 - Chi Yên
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Gạch ốp lát Primer						
	Lát 50x50		m ²		(Gồm v/c		120.000đ
	Lát 60x60		g		hàng khu		170.000đ
	Lát 30x45		g		v/c)		120.000đ
	Lát 30x60		g		g		130.000đ
	Xi măng fco		Bao		g		90.000đ
	g Hà Tiên		g		g		90.000đ
	Gạch 4 lỗ		Viên		g	(Hàng bảo	950đ
	g 2 lỗ		g		g	Đảm)	950đ
	g Mi		g		g		475đ
	Cát xây		m ³		g	(bãi Thanh	436.364đ
	Cát lung		g		g	Đảm)	290.909đ



TT. Châu Thành, ngày 24 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIA VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh

2. Khu vực khảo sát: TT. Châu Thành

3. Kỳ khảo sát: Tháng 11/2024

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Công ty TNHH Đầu Tư

Địa chỉ: 006/08 Tổ 6, KP4, TT. Châu Thành, Tây Ninh

Số điện thoại: 0276.379.0099

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀI TÂY NINH
MST: 3900.419.487
Khu Phố 4 - TT. Châu Thành - Tây Ninh
ĐT: (0276)3790099 - 2465

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Cát xây		m ³		(Giá không		380.000 ⁺
	Cát to		g		gồm phí		400.000 ⁺
	Đá 1x2		g		V/chuyển	(Phí Quấn	370.000 ⁺
	Đá 4x6		g		g	- Hùng Dũng	400.000 ⁺
	Đá 0x4		g		g		330.000 ⁺
	Xi măng Arco PCB40		Bao		g		87.000 ⁺
	Thép Việt - Nhật						
	Ø6 - Ø8		Kg		g		17.000 ⁺
	Ø10		Cây		g		123.000 ⁺
	Ø12		g		g		174.000 ⁺
	Ø14		g		g		236.000 ⁺
	Ø16		g		g		389.000 ⁺

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Thép Việt-Vic						
	Φ6 - Φ8		Kg		4		16.000đ
	Φ10		Cây		4		84.000đ
	Φ12		4		4		115.000đ
	Φ14		4		4		148.000đ
	Φ16		4		4		202.000đ
	Gạch 4 lỗ		Viên		(Giá găm (Hàng bán		750đ
	4 lỗ		4		V/ chươn (Đảm)		750đ
	Ngói Nippon lớp		Viên		trong huy)		20.000đ
	4 vỉa		4				30.000đ
	1 sập nóc		4		4		30.000đ
	4 cửa nóc		4		4		42.000đ

Người cung cấp thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



Người thực hiện khảo sát

(Ký, ghi rõ họ tên)

Real

Số điện thoại:.....



T. Tân Châu, ngày 06 tháng 11 năm 2024

PHIẾU KHẢO SÁT

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

1. Tỉnh/thành phố: Tây Ninh
2. Khu vực khảo sát: TT Tân Châu
3. Kỳ khảo sát: Tháng 11.2024
4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:
- Tên doanh nghiệp / cửa hàng: Cửa Hàng VLXD Phước Trí
- Địa chỉ: KP 1, TT Tân Châu, Tây Ninh
- Số điện thoại: 0949 069 221
5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Sơn Móng	18 l	Thùng		(k' gồm		750.000 đ
	Sơn Shield kite	18 l	l		phí vc)		650.000 đ
	Grach 4 lỗ		Viên		✓		1000 đ
	u 2 lỗ		Viên		✓		1000 đ
	u Mì		u		✓		700 đ
	Đá 1x2		m ³		✓		500.000 đ
	u 4x6		u		✓		450.000 đ
	Xi măng Fico		Bao		✓		90.000 đ
	u Đại Bàng		u		✓		80.000 đ
	Grach ốp 50x50		m ²		✓		120.000 đ
	u 40x40		u		✓		100.000 đ
	u 60x60		u		u		110.000 đ

VAT 10%

Stt	Tên loại vật liệu, thiết bị công trình	Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại	Điều khoản giao hàng	Khối lượng cung ứng (nếu có)	Giá bán (chưa có VAT)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Cây tràm	L > 27	cây		4		16.000 đ
	1	L > 37	4		4		24.000 đ
	4	L > 45	4		4		27.000 đ
	Ống PVC Ø21		cây		4		35000 đ
	Ø27		4		4		45000 đ
	Ø 34		4		4		56.000 đ
	Ø 80		4		4		120.000 đ
	Ø 90		4		4		180.000 đ
	Ø 118		4		4		240.000 đ
	Ván ép cốppha	20 x 3m	Tấm		4		66.000 đ
	4	25 x 3m	4		4		79.000 đ
	Bồn cầu thiên thanh		Bộ		4		4.800.000 đ
	Bồn cầu 1m³	Thiên thanh	4		4		3.500.000 đ
	lavabo thiên thanh		4		4		900.000 đ
	Gạch vỉa hè		m²		4		70.000 đ

Người cung cấp thông tin

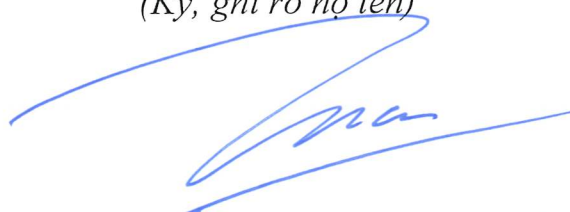
(Ký, ghi rõ họ tên)

VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHƯỚC TRÍ
Khu Phố I - Thị Trấn Tân Châu
MST: 3900311959



Người thực hiện khảo sát

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Nguyễn Phước Trí

Số điện thoại:

Số: 1450/CV-PLC.NĐ-TTPC

Hà Nội, ngày

01/11/2024



**THÔNG BÁO GIÁ ĐỊNH HƯỚNG
NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX**

(Chỉ áp dụng với các mặt hàng do Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex cung cấp)

Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex xin thông báo Giá định hướng nhựa đường 60/70, nhựa đường nhũ tương, nhựa đường lỏng (MC), nhựa đường Polime mang thương hiệu “Nhựa đường Petrolimex” có hiệu lực từ 01/11/2024 đến khi có thông báo mới, cụ thể như sau:

1. Giá định hướng (Chưa có thuế VAT)

Đơn vị tính: Đồng/kg

Loại nhựa đường - Xá	Thượng Lý	Cửa Lò	Thọ Quang	Quy Nhơn	Cam Ranh	Nhà Bè	Trà Nóc
Nhựa đường 60/70 - Xá	14.700	14.900	14.500	14.600	14.700	14.500	14.500
Nhựa đường nhũ tương CRS1 - xá	11.500	11.600	11.300	11.400	11.400	11.300	11.300
Nhựa đường nhũ tương CSS1 - xá	13.000	13.100	12.800	12.900	12.900	12.800	12.800
Nhũ tương gốc Axit 60% - xá	12.000	12.100	11.800	11.900	11.900	11.800	11.800
Nhựa đường nhũ tương CRS-2 -xá	13.000	13.100	12.800	12.900	12.900	12.800	12.800
Nhựa đường polime PMB 1 - xá	18.900	19.100	18.700			18.400	
Nhựa đường polime PMB 3 - xá	19.200	19.400	19.000			18.700	
Nhựa đường lỏng MC70 - xá	19.700	20.100	19.700	19.800	19.700	19.100	19.100
Loại nhựa đường - Phuy							
Nhựa đường 60/70 -Phuy	16.500	17.200	16.600	16.700	17.000	16.300	16.350
Nhựa đường nhũ tương CRS1 - phuy	14.000	14.100	13.800	13.900	13.900	13.800	13.800
Nhựa đường nhũ tương CSS1 - phuy	15.500	15.600	15.300	15.400	15.400	15.300	15.300
Nhựa đường nhũ tương CRS-2 -Phuy	15.500	15.600	15.300	15.400	15.400	15.300	15.300
Nhựa đường lỏng MC70 - Phuy	22.200	22.600	22.200	22.300	22.200	21.600	21.600

Lưu ý: Giá trên chỉ mang tính chất tham khảo tại các điểm Nhà máy, chưa bao gồm các chi phí vận chuyển, phun tưới.

2. Giá bán thực tế.

Quý khách hàng liên hệ theo thông tin dưới đây để nhận được báo giá cụ thể:

Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – Tel: 84.24.38513206

Chi nhánh Nhựa đường Hải Phòng – Tel: 84.225.3540580

Chi nhánh Nhựa đường Đà Nẵng – Tel: 84.236.3932889

Chi nhánh Nhựa đường Bình Định – Tel: 84.256.3984259

Chi nhánh Nhựa đường Sài Gòn – Tel: 84.28.38221504

Chi nhánh Nhựa đường Cần Thơ – Tel: 84.292.3761092

Trân trọng kính báo!



CÔNG TY TNHH NHỰA ĐƯỜNG PETROLIMEX

Tầng 19, số 229 Phố Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam - T: (84-24) 3851 3206 - F: (84-24) 3851 3209 - W: www.plc.petrolimex.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VIGLACERA
VIGLACERA TRADING JOINT STOCK COMPANY

BẢNG GIÁ BÁN TBVS VIGLACERA
(Áp dụng cho Cửa hàng VLXD khu vực miền Nam từ ngày 27/02/2024)

TT	MÃ SẢN PHẨM	MÔ TẢ SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN
I	BỆT THÔNG MINH			
1	V91	Bê tông thông minh Nano Titan, PK đồng bộ	Bộ	34,480,000
II	BỆT KẾT LIỀN GIÁ TRỊ CAO			
1	V62 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	4,220,000
2	V63 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	4,220,000
3	V64 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,980,000
4	V65 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	4,220,000
5	V68 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,950,000
6	V199 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	4,880,000
7	V808 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,960,000
III	BỆT KẾT LIỀN			
1	BL5 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,570,000
2	BL5V + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,720,000
3	V819 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,670,000
4	V809 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,810,000
5	MK2 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,950,000
6	V35M + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,790,000
7	V36 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,370,000
8	V37M + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,810,000
9	V38M + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,180,000
10	V39 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,750,000
11	V39M + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,920,000
12	V42 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,730,000
13	V45M + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,420,000
14	V72 (V700) + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,390,000
15	V848 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,520,000
16	V811 + VG826	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,090,000
17	HL2 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,990,000
18	V816 + VG826 + VG853	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,790,000
19	V817 + VG826 + VG853 (nắp V86)	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,910,000
20	V817 + VG826 + VG853 (nắp V867)	Bê tông Nano Titan, xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	3,730,000
IV	BỆT GIẢ KHỐI, BỆT TRẺ EM			
1	VII07	Bê tông giả khối xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,130,000
2	VI6	Bê tông giả khối xà 2 nhẵn, nắp êm	Bộ	2,340,000

■ Trụ sở chính: Tầng 1, Tòa nhà Viglacera, Số 1 Đại lộ Thăng Long, P. Mỹ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
■ Tel: +84.24.3553 7646 ■ Fax: +84.24.3553 7648 ■ Hotline: +84-1900989829
■ Văn phòng 2: Khu đô thị Sala, Số nhà 34-36 Nguyễn Cơ Thạch, P. An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. HCM
■ Tel: + 84.28.6660 2688 ■

admin@viglacera trading.vn
www.viglacera trading.vn

TT	MÃ SẢN PHẨM	MÔ TẢ SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN
3	BTE	Bệt trẻ em xả 1 nhấn, nắp BTE	Bộ	1,570,000
V	BỆT KẾT RỜI NẮP ÊM			
1	VI66, VI88 + VG829 + SPP (V116)	Bệt kết rời xả 2 nhấn, nắp êm V116 + xịt VG829 + SPP	Bộ	1,840,000
2	VT18M, VT34 +VG829 + SPP (V116)	Bệt kết rời xả 2 nhấn, nắp êm V116 + xịt VG829 + SPP	Bộ	1,840,000
3	VI66, VI88 + VG829 + SPP (V1102E)	Bệt kết rời xả 2 nhấn, nắp êm V1102E + xịt VG829 + SPP	Bộ	1,820,000
4	VT18M, VT34 +VG829 + SPP (V1102E)	Bệt kết rời xả 2 nhấn, nắp êm V1102E + xịt VG829 + SPP	Bộ	1,820,000
V	BỆT KẾT RỜI NẮP THƯỜNG			
1	VI66, VI88 + SPP	Bệt kết rời xả 2 nhấn, nắp thường + SPP	Bộ	1,530,000
2	VT18M, VT34 + SPP	Bệt kết rời xả 2 nhấn, nắp thường + SPP	Bộ	1,530,000
3	VI77 + SPP	Bệt kết rời xả 1 nhấn, nắp thường + SPP	Bộ	1,500,000
4	VI44 + SPP	Bệt kết rời xả gạt, nắp thường + SPP	Bộ	1,500,000
VI	CHẬU RỬA			
1	VTL2, VTL3, VTL3N	Chậu treo tường (BB, giá hoặc ốc vít)	Cái	400,000
2	V511	Chậu treo tường (BB, giá hoặc ốc vít)	Cái	460,000
3	BS418	Chậu trẻ em (BB)	Cái	290,000
4	CA2	Chậu âm bàn (Nano Titan, BB, giá đỡ chậu)	Cái	1,040,000
5	CD1, CD12	Chậu dương vành (Nano Titan, BB)	Cái	760,000
6	CD6	Chậu bán dương bàn (Nano Titan, BB)	Cái	760,000
7	CD15, CD19	Chậu đặt bàn (Nano Titan, BB)	Cái	1,160,000
8	CD20	Chậu bán dương bàn (Nano Titan, BB)	Cái	940,000
9	CD21	Chậu dương vành (Nano Titan, BB)	Cái	1,030,000
10	V24, V25, V26, V27, V28, V29, V72, CD16, CD17	Chậu bán dương bàn, đặt bàn (Nano Titan, BB)	Cái	910,000
11	V42M	Chậu đặt bàn (Nano Titan, BB)	Cái	1,160,000
12	BS415	Chậu đặt bàn (Nano Titan, BB)	Cái	1,170,000
13	Chậu + chân V58 (CD58)	Chậu + chân treo tường (BB, Bulông, ốc vít)	Bộ	1,270,000
	- Chậu V58 (CD58)	Chậu treo tường (Nano Titan, BB, Bulông)	Cái	900,000
	- Chân V58 (CD58)	Chân chậu treo tường (BB)	Cái	470,000
14	Chậu + chân V50 (CD50)	Chậu + chân treo tường (BB, Bulông, ốc vít)	Bộ	1,160,000
	- Chậu V50 (CD50)	Chậu treo tường (Nano Titan, BB, Bulông)	Cái	800,000
	- Chân V50 (CD50)	Chân chậu treo tường (BB)	Cái	470,000
15	Chậu + chân V23	Chậu + chân treo tường (BB, Bulông, ốc vít)	Bộ	950,000
	- Chậu V23	Chậu treo tường (Nano Titan, BB, Bulông)	Cái	700,000
	- Chân V23	Chân chậu treo tường (BB)	Cái	400,000
16	Chậu + chân VI5	Chậu + chân treo tường (BB, Bulông, ốc vít)	Bộ	1,030,000
	- Chậu VI5	Chậu treo tường (Nano Titan, BB, Bulông)	Cái	700,000
	- Chân VI5	Chân chậu treo tường (BB)	Cái	400,000
17	Chậu + chân V39	Chậu + chân treo tường (BB, Bulông, ốc vít)	Bộ	950,000
	- Chậu V39	Chậu treo tường (Nano Titan, BB, Bulông)	Cái	620,000
	- Chân V39	Chân chậu treo tường (BB)	Cái	400,000
18	Chậu + chân V36	Chậu + chân treo tường (BB, Bulông, ốc vít)	Bộ	950,000
	- Chậu V36	Chậu treo tường (Nano Titan, BB, Bulông)	Cái	620,000
	- Chân V36	Chân chậu treo tường (BB)	Cái	400,000

TT	MÃ SẢN PHẨM	MÔ TẢ SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ BÁN
19	Chậu + chân V37	Chậu + chân treo tường (BB, Bulông, ốc vít)	Bộ	1,070,000
	- Chậu V37	Chậu treo tường (Nano Titan, BB, Bulông)	Cái	740,000
	- Chân V37	Chân chậu treo tường (BB)	Cái	410,000
20	V63, V64	Chậu liền chân treo tường (Nano Titan, BB)	Cái	900,000
21	CB68 + tủ chậu	Chậu bàn kèm tủ chậu	Bộ	5,030,000
	- CB68	Chậu bàn	Cái	2,230,000
	- TC68	Tủ chậu	Cái	2,820,000
22	CB69 + tủ chậu	Chậu bàn kèm tủ chậu	Bộ	5,270,000
	- CB69	Chậu bàn	Cái	2,380,000
	- TC69	Tủ chậu	Cái	2,830,000
23	CB70 + tủ chậu	Chậu bàn kèm tủ chậu	Bộ	3,210,000
	- CB70	Chậu bàn	Cái	1,480,000
	- TC70	Tủ chậu	Cái	1,740,000
24	CM01	Chậu đặt bàn (BB)	Cái	2,230,000
25	CM02	Chậu đặt bàn (BB)	Cái	1,310,000
VII	TIỂU NAM, TIỂU NỮ			
1	TT1 (BS601)	Tiểu nam treo tường (Bộ vít nở, BB)	Cái	400,000
2	TT5, TV5	Tiểu nam treo tường (Nano Titan, BB, PK)	Cái	1,010,000
3	T1	Tiểu nam treo tường (Nano Titan, BB, PK)	Cái	1,420,000
4	T6 (Cấp dương)	Tiểu nam treo tường (Nano Titan, BB, PK)	Cái	2,130,000
5	T6 (Cấp âm)	Tiểu nam treo tường (Nano Titan, BB, PK)	Cái	2,240,000
6	T9 (Cấp dương)	Tiểu nam treo tường (Nano Titan, BB, PK)	Cái	1,620,000
7	T9 (Cấp âm)	Tiểu nam treo tường (Nano Titan, BB, PK)	Cái	1,840,000
8	BS604	Tiểu nam đứng (Nano Titan, BB, PK)	Cái	4,940,000
9	TD4	Tiểu nam đứng (Nano Titan, BB, PK cầm ứng)	Cái	8,520,000
10	VB3, VB5	Tiểu nữ (BB)	Cái	810,000
VIII	SẢN PHẨM KHÁC			
1	VII T, BS502, BS503	Chân chậu (BB)	Cái	400,000
2	PK S01	Phụ kiện sứ	Cái	900,000

*** Ghi chú:**

- Giá trên đã bao gồm VAT



T/L. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KINH DOANH
Mai Công Chính

BẢNG GIÁ BÁN SEN VÒI VIGLACERA
(Áp dụng cho Cửa hàng VLXD khu vực miền Nam từ ngày 27/02/2024)

STT	MÃ SẢN PHẨM	MÔ TẢ SẢN PHẨM	GIÁ BÁN
I	SẢN PHẨM VÒI - SEN CÂY		
1	VG105	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,290,000
2	VG581	Sen cây nóng lạnh có vòi 2 bát sen	4,540,000
3	VG112	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,490,000
4	VG583	Sen cây nóng lạnh có vòi 2 bát sen	6,510,000
5	VG143	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,650,000
6	VG143.1	Vòi chậu cao 1 lỗ nóng lạnh	2,250,000
7	VG593	Sen cây nóng lạnh có vòi 2 bát sen	6,260,000
8	VG125	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,830,000
9	VG126	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,890,000
10	VG511.1	Sen ghép nóng lạnh có vòi	3,970,000
11	VG515.1	Sen ghép nóng lạnh có vòi	3,960,000
12	VG594	Sen cây lạnh	1,940,000
13	VG596	Sen cây nóng lạnh không vòi 2 bát sen	4,400,000
14	VG597	Sen cây nóng lạnh có vòi 2 bát sen	5,310,000
15	VG598	Sen cây nóng lạnh nhiệt độ	6,730,000
II	SẢN PHẨM VÒI - SEN THANH TRƯỢT		
1	VG141	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,480,000
2	VG141.1	Vòi chậu cao 1 lỗ nóng lạnh	1,830,000
3	VG541	Sen tắm nóng lạnh dây sen nhựa	2,540,000
4	VG541.1	Sen tắm nóng lạnh có thanh trượt (dây sen nhựa)	3,780,000
5	VG142	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,600,000
6	VG142.1	Vòi chậu cao 1 lỗ nóng lạnh	2,360,000
III	SẢN PHẨM VÒI VÀ XẢ TIỂU CẢM ỨNG		
1	VG1023	Vòi cảm ứng 1 lỗ nóng lạnh dùng pin	5,420,000
2	VG1028	Vòi cảm ứng 1 lỗ lạnh dùng pin	4,470,000
3	VG1028.1	Vòi cảm ứng 1 lỗ nóng lạnh dùng pin	4,710,000
4	VG842	Bộ xả tiểu cảm ứng dương tường dùng pin	2,820,000
5	VG843, VG843.1	Bộ xả tiểu cảm ứng âm tường dùng pin	3,360,000
6	VG846	Bộ xả tiểu cảm ứng dương tường dùng pin	3,530,000
IV	SẢN PHẨM VÒI - SEN TẮM PHỔ THÔNG		
1	VG102	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	860,000
2	VG302	Vòi chậu 3 lỗ nóng lạnh	1,180,000
3	VG502, VG502.2	Sen tắm nóng lạnh	1,460,000
4	VG104	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	900,000



5	VG504	Sen tắm nóng lạnh	1,670,000
6	VG168	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,070,000
7	VG368	Vòi chậu 3 lỗ nóng lạnh	1,290,000
8	VG568	Sen tắm nóng lạnh	1,780,000
9	VG114	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,030,000
10	VG514	Sen tắm nóng lạnh	1,510,000
11	VG111	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	1,190,000
12	VG511	Sen tắm nóng lạnh	1,890,000
13	VG315	Vòi chậu 3 lỗ nóng lạnh	1,290,000
14	VG515	Sen tắm nóng lạnh	1,780,000
15	VG132	Vòi chậu 1 lỗ nóng lạnh	880,000
16	VG132.1	Vòi chậu cao 1 lỗ nóng lạnh	1,590,000
17	VG132.2	Vòi chậu 1 lỗ lạnh	750,000
18	VG332	Vòi chậu 3 lỗ nóng lạnh	1,160,000
19	VG532	Sen tắm nóng lạnh	1,510,000
20	VG532.1	Sen tắm cây ghép nóng lạnh	4,120,000
V SẢN PHẨM VÒI RỬA BÁT			
1	VG701	Vòi rửa bát gắn tường nóng lạnh	1,180,000
2	VG712	Vòi rửa bát gắn tường cần mềm nóng lạnh	1,390,000
3	VG713	Vòi rửa bát gắn chậu nóng lạnh (tích hợp đầu cấp nước RO)	2,410,000
4	VG714	Vòi rửa bát gắn chậu nóng lạnh	1,000,000
5	VG731	Vòi rửa bát gắn chậu nóng lạnh	1,360,000
6	VG743	Vòi rửa bát gắn chậu nóng lạnh	1,790,000
7	VG768	Vòi rửa bát nóng lạnh VG768	2,530,000
8	VG705	Vòi rửa bát gắn chậu 1 đường lạnh cần mềm	600,000
9	VG707	Vòi rửa bát gắn chậu 1 đường lạnh	600,000
VI SẢN PHẨM KHÁC			
1	VG103	Vòi chậu 1 đường lạnh	620,000
2	VG106	Vòi chậu 1 đường lạnh	620,000
3	VG107	Vòi chậu 1 đường lạnh	460,000
4	VG108	Vòi chậu xả trễ 1 đường lạnh	420,000
5	VG109	Sen tắm 1 đường lạnh	730,000
6	VG503	Sen tắm 1 đường lạnh	760,000
7	VG508	Vòi chậu 3 lỗ liền sen nóng lạnh	620,000
8	VG326	Vòi tiểu nữ nóng lạnh	1,520,000
9	VG101	Vòi xịt đồng mạ crom dây nhựa	950,000
10	VG826	Vòi xịt nhựa	180,000
11	VG829	Vòi xịt nhựa	180,000
12	VG110	Vòi máy giặt (Vòi hồ)	250,000
13	VG813	Syphon lật 1	490,000
14	VG814	Syphon lật 2	390,000
15	VG815	Syphon chậu kính	960,000
16	VG817.1	Syphon (Cụm xả bằng Inox, đuôi nhựa ABS)	170,000
17	VG817.2	Syphon (Cụm xả bằng đồng, đuôi nhựa ABS)	210,000
18	VG811	Syphon cần giặt	510,000
19	VG831, VG832, VG833	Gương phòng tắm (500x700x5)	400,000
20	VG834	Gương phòng tắm (450x600x5)	320,000
21	VG835	Gương phòng tắm (600x900x5)	550,000

22	VG841, VG841.1	Bộ xả tiểu nhân không có giảm áp	780,000
23	VG845, VG845.1	Bộ xả tiểu nhân không có giảm áp	780,000
24	VG851, VG853	Van chia nước, van giảm áp bằng đồng mạ Crôm	110,000
VII PHỤ KIỆN ĐỒNG BỘ VÀ CHI TIẾT TỪNG MÓN			
1	VG92	Bộ phụ kiện phòng tắm bằng đồng mạ Crôm (5 món)	1,270,000
1.1	VG924	- Đĩa đựng xà phòng	140,000
1.2	VG9261	- Cốc đơn	300,000
1.3	VG9211	- Hộp đựng giấy	190,000
1.4	VG922	- Gá kính	400,000
1.5	VG9231	- Vắt khăn đơn	330,000
2	VG95	Bộ phụ kiện phòng tắm bằng đồng mạ Crôm (6 món)	1,930,000
2.1	VG9562	- Cốc đơn	400,000
2.2	VG954	- Đĩa đựng xà phòng	240,000
2.3	VG9552	- Móc treo khăn	210,000
2.4	VG9511	- Hộp đựng giấy	260,000
2.5	VG952	- Gá kính	470,000
2.6	VG9531	- Vắt khăn đơn	500,000
3	VG98	Bộ phụ kiện phòng tắm bằng INOX 304 (5 món)	630,000
4	VG9632	Vắt khăn đôi	1,150,000
5	VG9612	Móc treo giấy đôi	710,000
6	VG9652	Móc treo áo đôi	320,000
7	VG967	Vắt khăn giàn	3,710,000

*** Ghi chú:**

- Giá trên đã bao gồm VAT



T/L. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KINH DOANH
Mai Công Chính

**DNTN TRẠM XĂNG DẦU
KIM THỦY**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
--- o0o ---

Số: 01/2024-KKGVLXD

V/v kê khai giá sản phẩm, hàng
hóa do đơn vị khai thác, sản xuất
định kỳ tại Sở Xây dựng

Tây Ninh, ngày 22 tháng 07 năm 2024

**Kính gửi: - Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh;
- Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh.**

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Thực hiện Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh Bổ sung danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thuộc đối tượng thực hiện kê khai giá đối với các mặt hàng: Vật liệu san lấp, đá, cát xây dựng.

Doanh nghiệp tư nhân trạm xăng dầu Kim Thủy thực hiện kê khai giá sản phẩm, hàng hóa do đơn vị khai thác, sản xuất định kỳ tại Sở Tài chính, Sở Xây dựng (đính kèm).

Mức giá này áp dụng từ ngày 22/07/2024 đến khi có thông báo mới.

Khi có thay đổi về giá và các thông tin có liên quan, đơn vị sẽ có văn bản báo cáo về Sở Tài chính, Sở Xây dựng theo quy định.

Doanh nghiệp tư nhân trạm xăng dầu Kim Thủy xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Quang Hùng

Phụ lục

DNTN TRẠM XĂNG DẦU
KIM THỦY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
— o0o —

Tây Ninh, ngày 22 tháng 07 năm 2024

BẢNG GIÁ CÁC SẢN PHẨM HÀNG HÓA VLXD
(Kèm theo văn bản số 01/2024-KKGVLXD ngày 22 tháng 07 năm 2024)

1. Bảng giá cụ thể:

Đvt: đồng							
STT	Tên hàng hóa, chủng loại vật liệu (ghi rõ tên)	Quy cách, chất lượng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá (chưa VAT)	Giá (đã bao gồm VAT)	Địa điểm giao hàng	Ghi chú
1	Đất (nguyên khai)		M3	66.000	72.600	Tại hầm (không bao gồm các chi phí khai thác khác)	VAT 10%
2	Sỏi		M3	170.000	187.000	Tại hầm (không bao gồm các chi phí khai thác khác)	VAT 10%

2. Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng (nếu có)

NHÀ MÁY TÔN THÉP Việt Nhật Tây Ninh

ĐT : 0868 915 925 - 0909 915 925 - 0777 56 5678

ĐỊA CHỈ : tổ 16, khu phố lộc trác, phường gia lộc, thị xã trảng bàng

Bảng Báo Giá Tôn Từ ngày 15-05-2024

STT	Tôn mạ màu (T)	kg	Đơn Giá	stt	Lạnh trắng (T)	kg	Đơn Giá
1	TLG tiêu chuẩn việt nhật 0.30	2.1	53,000	1	Tôn lạnh trắng 0.30	2.2	62,000
2	TLG tiêu chuẩn việt nhật 0.35	2.3	59,000	2	Tôn lạnh trắng 0.35	2.7	-
3	TLG tiêu chuẩn việt nhật 0.40	2.7	68,000	3	Tôn lạnh trắng 0.40	3.3	-
4	TLG tiêu chuẩn việt nhật 0.45	3.2	74,000	4	Tôn lạnh trắng 0.45	3.6	92,000
5	TLG tiêu chuẩn việt nhật 0.50	3.8	88,000	5	Tôn lạnh trắng 0.50	4.4	102,000
TÔN ĐÔNG Á & TÔN NAM KIM							
CÁC MÀU				Lạnh trắng			
1	Tôn đông á xanh ngọc 0.30	2.45	75,000	1	Tôn L trắng nam kim 0.25	2	58,000
2	Tôn đông á xanh ngọc 0.40	3.33	99,000	2	Tôn L trắng nam kim 0.45	3.81	94,000
3	Tôn đông á xanh ngọc 0.45	3.77	109,000	3	Tôn NAM KIM xanh ngọc 0.45	3.77	103,000
4	Tôn đông á xanh ngọc 0.50	4.33	-	4	Tôn NAM KIM xanh ngọc 0.50	4.33	113,000
5	TÔN ĐÁ xám lông chuột 0.40	3.33	99,000	5	T ĐÁ lạnh trắng 0.30	2.5	65,000
6	TÔN ĐÁ xám lông chuột 0.45	3.77	109,000	6	T ĐÁ lạnh trắng 0.35	2.9	75,000
7	TÔN ĐÁ màu ĐỎ ĐẬM 0.40	3.33	-	7	T ĐÁ lạnh trắng 0.40	3.4	93,000
8	TÔN ĐÁ màu ĐỎ ĐẬM 0.45	3.77	110,000	8	TĐÁ Xdương tím 0.45	3.77	109,000
TÔN HOA SEN							
CÁC MÀU				Lạnh trắng			
1	Tôn HOA SEN màu xanh ngọc 0.40	3.4	105,000	1	Tôn HS lạnh trắng 0.45	4	105,000
2	Tôn HOA SEN màu xanh ngọc 0.45	4	116,000	2	Tôn HS lạnh trắng 0.57	5.2	115,000
3	Tôn HOA SEN màu xanh ngọc 0.50	4.4	128,000	3	Tôn HS lạnh trắng 0.60	6	125,000
4	Tôn HS màu xám lông chuột 0.40	3.4	102,000	4	Tôn HS nâu đất 0.40	3.4	108,000
5	Tôn HS màu xám lông chuột 0.45	4	112,000	5	Tôn HS ĐỎ ĐẬM 0.40	3.4	112,000
6	Tôn HS màu xám lông chuột 0.50	4.4	123,000	6	Tôn HS ĐỎ ĐẬM 0.45	3.9	123,000
7	Tôn HOA SEN màu trắng sữa 0.50	4.4	129,000	7	TÔN HOA SEN xdtim 0.35	3	92,000
Tôn sóng ngói RUBY hữu dụng 900mm							
Tôn Đông Á				TÔN HOA SEN			
1	TÔN ĐÁ xám lông chuột 0.40		109,000	1	Tôn HS xám lông chuột 0.40		109,000
2	TÔN ĐÁ xám lông chuột 0.45		119,000	2	Tôn HS xám lông chuột 0.45		123,000
3	TÔN ĐÁ xanh ngọc 0.50		129,000	3	Tôn HS xám lông chuột 0.50		135,000
4	TÔN ĐÁ màu ĐỎ ĐẬM 0.40			4	Tôn HS màu Nâu Đất 0.40		116,000
5	TÔN ĐÁ màu ĐỎ ĐẬM 0.45		119,000	5	Tôn HS màu ĐỎ Đậm 0.45		136,000
6	TÔN ĐÁ xanh dương tím 0.45		119,000	6	Tôn HS xanh dương tím 0.45		133,000

- * dung sai cộng trừ cho phép 3-5 %, giá đã bao gồm 10% thuế VAT - chiết khấu 1.5%
- * Công uốn vòm 1.000đ/1 mét. uốn vòm cong đều hết tấm 3.000đ/ 1 mét , xẻ chấn dập 1.000đ/ đường.
- * Tôn uốn vòm dài trên 8m giá gia công 2.000/m và ko dài quá 11m , dài hơn tự vận chuyển
- * giá & hàng tồn có thể thay đổi theo thời điểm và số lượng đơn hàng, liên hệ thương lượng trước khi đặt !

Dây điện CADIVI (Giá đã chiết khấu)

Dây 2 x 16 CDV (Vcmd 2x0.5)	2.2kg/c	368,000
Dây 2 x 24 CDV (Vcmd 2x0.75)	2.8kg/c	520,000
Dây 2 x 32 CDV (Vcmd 2x1.0)	3.3kg/c	666,000
Dây 2 x 30 CDV (Vcmd 2x1.5)	4.4kg/c	949,000
Dây 2 x 50 CDV (Vcmd 2x2.5)	6.6kg/c	1,538,000
Dây 1.0 CDV (CV 1.0)	1.7kg/c	360,000
Dây 1.25 CDV (CV 1.25)	1.8kg/c	382,000
Dây 1.5 CDV (CV 1.5)	2.2kg/c	494,000
Dây 2.0 CDV (CV 2.0)	2.7kg/c	640,000
Dây 2.5 CDV (CV 2.5)	3.3kg/c	805,000
Dây 3.5 CDV (CV 3.5)	4.3kg/c	1,082,000
Dây 4.0 CDV (CV 4.0)	5.2kg/c	1,218,000
Dây 6.0 CDV (CV 6.0)	7.3kg/c	1,787,000
Dây 8.0 CDV (CV 8.0)	9.8kg/c	2,400,000
Dây 10 CDV (CV 10)	11.5kg/c	2,960,000
Cáp 16 CDV (CV 16)	mét	
Cáp 25 CDV (CV 25)	mét	
Dây Te 1.5 CDV	cuộn	494,000
Dây Te 2.5 CDV	cuộn	805,000
Dây Te 3.5 CDV giá KM	cuộn	800,000
Dây Te 4.0 CDV	cuộn	1,218,000
Dây Te 6.0 CDV	cuộn	1,787,000



Áp dụng đến khi có giá mới. **Giá có thể thay đổi mà không kịp báo trước**
Rất hân hạnh được phục vụ quý khách.



TRẦN THẠCH CAO TÂY NINH -
TRẦN 24H
Hiệp Tân, TX. Hòa Thành, Tây Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO GIÁ

NƠI NHẬN BÁO GIÁ	Thông báo giá Ngày báo giá : 25/11/2024 ĐT liên hệ:
Người nhận: Quý khách hàng	

Cửa hàng thạch cao Tây Ninh – 24h chuyên cung cấp các loại vật liệu tấm trần thạch cao, khung trần,... Cảm ơn quý khách hàng đã tin tưởng và sử dụng các sản phẩm của cửa hàng. Cửa hàng chúng tôi xin báo giá cung cấp vật tư như sau:

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ HIỆN TẠI
	KHUNG TRẦN VẠY PHÁT HÙNG		
1	VPH T3.6 (Sọc đen-Sọc vàng-Sọc xanh Groove Line)	Thanh	39.900
2	VPH T1.2 (Sọc đen-Sọc vàng-Sọc xanh Groove Line)	Thanh	13.500
3	VPH T0.6 (Sọc đen-Sọc vàng-Sọc xanh Groove Line)	Thanh	7.000
4	VPH T3.6 (Doxi Line)	Thanh	34.500
5	VPH T1.2 (Doxi Line)	Thanh	10.900
6	VPH T0.6 (Doxi Line)	Thanh	5.700
	TẤM TRẦN NỘI VĨNH TƯỜNG		
7	Tấm Duraflex in hoa văn 3mm	Tấm	30.500
8	Tấm Duraflex sơn trắng 3mm	Tấm	28.500
9	Tấm Ánh Kim 3mm	Tấm	46.000
	KHUNG TRẦN NỘI VĨNH TƯỜNG		
10	VT-SMARTLINE T3.6	Thanh	67.900
11	VT-SMARTLINE T1.2	Thanh	22.500

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	GIÁ HIỆN TẠI
12	VT-SMARTLINE T0.6	Thanh	11.800
13	VT-FINELINE T3.6	Thanh	57.200
14	VT-FINELINE T1.2	Thanh	16.900
15	VT-FINELINE T0.6	Thanh	8.900
16	VT-V nổi	Thanh	30.800
	KHUNG TRẦN CHÌM VĨNH TUỜNG		
17	VT-U ALPHA	Thanh	48.200
18	VT-U TIKA	Thanh	37.200
19	VT-V chìm	Thanh	21.200

Ghi chú :

- Đơn giá trên chưa VAT, áp dụng từ ngày 25/11/2024;
- Giao hàng tại kho hàng.

Rất mong được hợp tác cùng Quý khách hàng !

**CỬA HÀNG TRẦN THẠCH CAO TÂY NINH
TRẦN 24H**